

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ HVA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3103.2/2022/HVA

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GDCK HÀ NỘI**

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA**

Mã chứng khoán: **HVA**

Địa chỉ trụ sở chính: Số 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, Phường An Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành phố
Cần Thơ, Việt Nam.

Điện thoại: 02923.826.688

Email: cbtt.hva@gmail.com

Người thực hiện công bố thông tin: **VƯƠNG LÊ VĨNH NHÂN**

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị - Người đại diện theo pháp luật

Loại công bố thông tin: Định kỳ Bất thường 24 giờ Theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố: Công ty cổ phần Đầu tư HVA Công bố thông tin về báo cáo tài chính
hợp nhất năm 2021 kèm Công văn giải trình về chênh lệch lợi nhuận sau thuế

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Đầu tư HVA
vào ngày 31/03/2022 tại địa chỉ: <https://hva.group/category/quan-he-co-dong/thong-tin-chung/>

Chúng tôi cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm
trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Tài liệu kèm theo:

- BCTC hợp nhất năm 2021
- CV giải trình chênh lệch LNST



VƯƠNG LÊ VĨNH NHÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA

Số 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, Phường An Khánh,
Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	05-06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	08
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	09-34

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA

Số 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, Phường An Khánh,
Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư HVA (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ ỦY BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Hoài Nam	Chủ tịch	
Ông Vương Lê Vĩnh Nhân	Thành viên	
Ông Lê Văn An	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30/06/2021
Ông Đinh Tuấn Kiệt	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30/06/2021
Ông Nguyễn Minh Duy	Thành viên	
Ông Nguyễn Vũ Phương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30/06/2021

Tổng Giám đốc

Ông Vương Lê Vĩnh Nhân	Tổng Giám đốc
------------------------	---------------

Ủy ban Kiểm toán

Ông Lê Văn An	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 28/07/2021
Ông Đinh Tuấn Kiệt	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/07/2021

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA

Số 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, Phường An Khánh,
Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Tổng Giám đốc



Vương Lê Vinh Nhân

Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 31 tháng 03 năm 2022

Số: *42* /BCKT/TC/VN8

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư HVA

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư HVA (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 31 tháng 03 năm 2022, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục kiểm toán để thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư HVA tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Bảo Trung
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN Kiểm toán số: 0373-2018-126-1
Thay mặt và đại diện cho

Trần Thị Chúc
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 3278-2020-126-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		138.100.562.746	54.350.139.373
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	6.382.889.337	752.409.920
1. Tiền	111		6.382.889.337	752.409.920
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		117.512.936.101	53.572.270.175
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	62.756.308.187	43.880.587.661
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	59.251.705.400	15.876.760.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		1.690.000.000	-
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(6.185.077.486)	(6.185.077.486)
IV. Hàng tồn kho	140	10	10.928.152.086	-
1. Hàng tồn kho	141		10.928.152.086	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.276.585.222	25.459.278
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.866.664	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.271.815.334	20.801.293
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	2.903.224	4.657.985
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		38.802.691.673	9.001.177.082
II. Tài sản cố định	220		29.796.289.595	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	29.796.289.595	-
- Nguyên giá	222		32.021.685.724	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.225.396.129)	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	9.000.000.000	9.000.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		9.000.000.000	9.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.402.078	1.177.082
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		6.402.078	1.177.082
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		176.903.254.419	63.351.316.455

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)


Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		22.690.170.607	4.187.866.704
I. Nợ ngắn hạn	310		22.690.170.607	4.187.866.704
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	13.289.902.756	3.433.873.520
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13	8.643.529.946	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	154.446.627	20.093.705
4. Phải trả người lao động	314		20.790.000	-
5. Phải trả ngắn hạn khác	319		162.715.270	733.899.479
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	418.786.008	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		154.213.083.812	59.163.449.751
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	154.213.083.812	59.163.449.751
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		136.500.000.000	56.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		136.500.000.000	56.500.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(191.363.636)	(106.363.636)
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.908.581.584	2.769.813.387
- LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước	421a		2.769.813.387	(393.429.735)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		9.138.768.197	3.163.243.122
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		5.995.865.864	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		176.903.254.419	63.351.316.455


Phạm Thị Thu Lương
Người lập

Phạm Thị Thu Lương
Kế toán trưởng


Vương Lê Vinh Nhân
Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 31 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	320.588.253.409	103.424.755.595
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		16.115.877	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		320.572.137.532	103.424.755.595
4. Giá vốn hàng bán	11	19	319.620.434.079	102.893.593.623
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		951.703.453	531.161.972
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		31.865.524	273.693
7. Chi phí tài chính	22		3.996.169	(917.050.079)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	(127.618.833)
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		33.180.000	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20	232.841.095	(1.514.763.755)
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		713.551.713	2.963.249.499
12. Thu nhập khác	31	21	8.519.213.216	200.000.000
13. Chi phí khác	32		713.957	6.377
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		8.518.499.259	199.993.623
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		9.232.050.972	3.163.243.122
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	22	43.993.856	-
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		9.188.057.116	3.163.243.122
18. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		9.138.768.197	3.163.243.122
20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		49.288.919	-
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	1.487	560


Phạm Thị Thu Lương
Người lập

Phạm Thị Thu Lương
Kế toán trưởng

Trương Văn Nhân
Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 31 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

(Theo phương pháp trực tiếp)

MÃ SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		277.342.091.646	69.796.697.420
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(286.135.694.124)	(118.804.099.000)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(156.545.000)	(58.800.000)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(3.996.169)	(181.167)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		661.048.546	16.610.502.000
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(2.294.960.119)	(483.464.407)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(10.588.055.220)	(32.939.345.154)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(35.000.000.000)	-
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(45.000.000.000)	(28.600.000.000)
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	69.390.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		31.865.524	273.693
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(79.968.134.476)	40.790.273.693
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		80.000.000.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33		720.000.000	66.500.000
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.681.172.336)	(7.575.700.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		78.038.827.664	(7.509.200.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		(12.517.362.032)	341.728.539
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		18.900.251.369	410.681.381
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	5	6.382.889.337	752.409.920



Phạm Thị Thu Lương
Kế toán trưởng



Phạm Thị Thu Lương
Kế toán trưởng



Wang Le Viet Nhan
Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 31 tháng 03 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư HVA được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0104659943 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 19 tháng 05 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 23 tháng 12 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, Phường An Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 136.500.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 136.500.000.000 đồng; tương đương 13.650.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: sản xuất và kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: sản xuất cà phê xô; kinh doanh hàng nông sản là cà phê, hồ tiêu.

Cấu trúc Tập đoàn

Tổng số công ty con:

- Số lượng công ty con được hợp nhất: 1
- Số lượng công ty con không được hợp nhất: 0

Công ty có công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2021:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đại Phát Vina	Số 156 Lý Thường Kiệt, thị Trần Quang Phú, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	90,0%	90,0%	Sản xuất cà phê; Kinh doanh thương mại cà phê và hạt tiêu.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Lãi phát sinh từ giao dịch mua rẻ

Lãi phát sinh từ giao dịch mua rẻ là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Lãi phát sinh từ giao dịch mua rẻ được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuế tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị Thị Trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Tại công ty con

	Thời gian khấu hao tại Văn phòng Công ty con	Thời gian khấu hao sau khi được điều chuyển về Chi nhánh Công ty con
- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20 năm	09 - 19 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm	09 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10 năm	04 - 09 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi năm tài chính được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Doanh thu***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành và ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Ưu đãi thuế:

Nhà máy Sản xuất chế biến Cà phê - Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại Phát Vina tại Sơn La được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 04 (bốn) năm và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 09 (chín) năm tiếp theo đối với dự án đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 12, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính. Nhà máy hoạt động trên địa bàn huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La - là đối tượng được hưởng ưu đãi theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 16, Nghị định số 118/2015/NĐ-CP và nằm trong Phụ lục II: Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư ban hành kèm theo Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong .

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVASố 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, Phường An Khánh,
Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Thông tin bộ phận**

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	1.650.030.368	45.997.883
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.732.858.969	706.412.037
	6.382.889.337	752.409.920

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVASố 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, Phường An Khánh,
Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt NamBáo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào đơn vị khác	9.000.000.000	-	-	-
Công ty CP Citipass (*)	9.000.000.000	-	-	-
	9.000.000.000	-	-	9.000.000.000
				Dự phòng VND

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tổng giá trị đầu tư vào Công ty CP Citipass là 9.000.000.000 đồng, trong đó: 3.000.000.000 đồng là cổ phiếu thường có quyền biểu quyết và 6.000.000.000 đồng là cổ phiếu ưu đãi không có quyền biểu quyết.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVASố 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, Phường An Khánh,
Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty CP Thương mại Công nghiệp Trường An	4.521.165.000	4.521.165.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tháo Kiệt	3.250.000.000	3.250.000.000
Công ty CP Sapa Inspiration	-	12.518.500.000
Công ty TNHH Highland Sourcing	-	23.552.010.175
Công ty CP Đầu tư Minh Thắng	12.864.149.846	-
Công ty CP Tập đoàn Cà phê Avina	11.481.018.331	-
Công ty CP Dịch vụ Đầu tư và Phát triển Thương mại Hùng Phát	4.506.030.709	-
Công ty CP Thực phẩm sạch Nesviet	9.269.226.278	-
Công ty TNHH Thương mại và Xuất nhập khẩu Hải Long Song Kim 9	4.897.800.000	-
Công ty CP Xuất khẩu Quang Minh Phát	6.237.036.680	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	5.729.881.343	38.912.486
	62.756.308.187	43.880.587.661
Phải thu khách hàng là các bên liên quan	11.481.018.331	-

*(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 28.)***8 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty CP Nông nghiệp Sao Xanh	-	-	8.692.700.000	-
Công ty CP Đầu tư Minh Thắng	-	-	7.047.310.000	-
Công ty CP Đầu tư Hà Nội Phố	3.583.357.332	-	-	-
Chi nhánh Xuất nhập khẩu Nông Sản - Công ty CP Tập đoàn Cà phê Avina	14.269.300.155	-	-	-
Công ty CP Tập đoàn Cà phê Avina	3.417.698.538	-	-	-
Ông Đinh Tuấn Kiệt (*)	35.000.000.000	-	-	-
Trả trước khác	2.981.349.375	-	136.750.000	-
	59.251.705.400	-	15.876.760.000	-
Trả trước cho người bán là bên liên quan	15.193.475.155	-	-	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 28.)

(*) Ứng trước cho người bán để mua giá trị quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cùng toà nhà trụ sở tại địa chỉ Số 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, Phường An Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVASố 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, Phường An Khánh,
Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9 . NỢ XẤU

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu	7.810.077.486	1.625.000.000	7.810.077.486	1.625.000.000
Công ty CP Thương mại Công nghiệp Trường An	4.521.165.000	-	4.521.165.000	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thảo Kiệt	3.250.000.000	1.625.000.000	3.250.000.000	1.625.000.000
Công ty CP Xây dựng Bắc Ninh	38.912.486	-	38.912.486	-
	7.810.077.486	1.625.000.000	7.810.077.486	1.625.000.000

10 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	11.208.493	-	-	-
Thành phẩm	445.434.429	-	-	-
Hàng hoá	10.471.509.164	-	-	-
	10.928.152.086	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVASố 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, Phường An Khánh,
Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt NamCho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
Báo cáo tài chính hợp nhất**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***MÃ SỐ B 09-DN****11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá												
Tại ngày 01/01/2021	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng do hợp nhất công ty con	25.674.885.724	5.978.600.000	5.978.600.000	368.200.000	368.200.000	-	-	-	-	-	-	32.021.685.724
Tại ngày 31/12/2021	25.674.885.724	5.978.600.000	5.978.600.000	368.200.000	368.200.000	-	-	-	-	-	-	32.021.685.724
Giá trị hao mòn lũy kế												
Tại ngày 01/01/2021	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích khấu hao	1.619.556.618	563.443.586	563.443.586	42.395.925	42.395.925	-	-	-	-	-	-	2.225.396.129
Tại ngày 31/12/2021	1.619.556.618	563.443.586	563.443.586	42.395.925	42.395.925	-	-	-	-	-	-	2.225.396.129
Giá trị còn lại												
Tại ngày 01/01/2021	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2021	24.055.329.106	5.415.156.414	5.415.156.414	325.804.075	325.804.075	-	-	-	-	-	-	29.796.289.595

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVASố 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, Phường An Khánh,
Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Hải Sơn	2.600.000.000	2.600.000.000	2.600.000.000	2.600.000.000
Doanh nghiệp tư nhân Hồng Thắm	748.373.520	748.373.520	748.373.520	748.373.520
Công ty CP Citipass	9.856.029.236	9.856.029.236	-	-
Các khoản phải trả khác	85.500.000	85.500.000	85.500.000	85.500.000
	13.289.902.756	13.289.902.756	3.433.873.520	3.433.873.520

13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty CP Đầu tư Hà Nội Phố	1.594.094.726	-
Công ty TNHH MTV Dương Văn Dũng	1.620.607.225	-
Công ty TNHH Sucden Coffee Việt Nam	5.428.819.700	-
Phải thu khác	8.295	-
	8.643.529.946	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVASố 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, Phường An Khánh,
Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt NamCho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
Báo cáo tài chính hợp nhất**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***MÃU SỐ B 09-DN****14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	20.093.705	-	-	-	-	-	-	-	-	20.093.705
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.754.761	-	171.534.554	43.993.856	79.420.727	-	-	-	-	-	-	134.352.922
Thuế Thu nhập cá nhân	2.903.224	-	-	-	-	-	-	-	2.903.224	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	-	7.000.000	-	-	7.000.000	-	-	-	-	-
	4.657.985		191.628.259	50.993.856	86.420.727		2.903.224					154.446.627

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA

Số 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, Phường An Khánh,
Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

15 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	01/01/2021		Trong năm		31/12/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND
Vay ngắn hạn	-	-	4.520.000.000	4.101.213.992	418.786.008	418.786.008
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đăk Lăk	-	-	2.160.000.000	1.741.213.992	418.786.008	418.786.008
Ông Mai Trung Chính	-	-	2.360.000.000	2.360.000.000	-	-
	-	-	4.520.000.000	4.101.213.992	418.786.008	418.786.008

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác của Công ty như sau:

Hạn mức tín dụng	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	31/12/2021	01/01/2021
1.000.000.000 VND	Lãi suất cho vay trong hạn là lãi suất trên từng Giấy Nhận nợ và có giá trị kể từ thời điểm giải ngân.	Thế chấp quyền sử dụng đất của ông Bùi Tấn Sang theo các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 20.77.1201-01/2020- HĐBĐ/NHCT502 ngày 03/12/2020 và 20.77.1201-02/2020- HĐBĐ/NHCT502	418.786.008	-
			418.786.008	418.786.008

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVASố 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, Phường An Khánh,
Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt NamBáo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quy đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Cộng	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Năm 2020												
Tại ngày 01/01/2020	56.500.000.000	-	(106.363.636)	-	-	(393.429.735)	-	-	-	-	56.000.206.629	
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	3.163.243.122	-	-	-	-	3.163.243.122	
Tại ngày 31/12/2020	56.500.000.000	-	(106.363.636)	-	-	2.769.813.387	-	-	-	-	59.163.449.751	
Năm 2021												
Tại ngày 01/01/2021	56.500.000.000	-	(106.363.636)	-	-	2.769.813.387	-	-	-	-	59.163.449.751	
Tăng vốn trong năm nay	80.000.000.000	-	(85.000.000)	-	-	-	-	-	-	-	79.915.000.000	
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	9.138.768.197	-	-	-	-	9.138.768.197	
Mua công ty con trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	5.995.865.864	-	5.995.865.864	
Tại ngày 31/12/2021	136.500.000.000	-	(191.363.636)	-	-	11.908.581.584	-	-	5.995.865.864	-	154.213.083.812	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	31/12/2021 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2021 VND
Ông Nguyễn Văn Hùng	14,1%	19.245.000.000	6,9%	3.873.000.000
Ông Nguyễn Minh Duy	10,4%	14.140.210.000	6,8%	3.828.210.000
Ông Vương Lê Vĩnh Nhân	13,1%	17.899.400.000	5,3%	2.989.400.000
Ông Nguyễn Quang Lâm	0,2%	272.000.000	4,7%	2.666.000.000
Bà Ma Thị Thùy	0,8%	1.150.100.000	4,5%	2.549.000.000
Ông Lê Hoài Nam	3,2%	4.390.000.000	4,1%	2.321.000.000
Ông Đỗ Văn Tuấn	11,0%	15.068.000.000	1,9%	1.073.000.000
Ông Phạm Tấn Hùng	12,7%	17.340.000.000	0,0%	-
Ông Đàm Trọng Hân	7,3%	10.000.000.000	0,0%	-
Vốn góp của các cổ đông khác	27,1%	36.995.290.000	65,8%	37.200.390.000
	100%	136.500.000.000	100%	56.500.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	136.500.000.000	56.500.000.000
- Vốn góp đầu năm	56.500.000.000	56.500.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	80.000.000.000	-
- Vốn góp cuối năm	136.500.000.000	56.500.000.000

Thông tin phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 3006/2021/NQ-ĐHĐCĐ/HVA ngày 30/06/2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư HVA, trong đó thông qua phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ năm 2021 để tăng vốn điều lệ;
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông;
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành 8.000.000 cổ phiếu;
- Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu;
- Tổng giá trị vốn huy động dự kiến: 80.000.000.000 đồng;
- Phương thức chào bán: Chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp;
- Số lượng Nhà đầu tư tham gia đợt phát hành: tối đa 10 Nhà đầu tư;
- Đối tượng phát hành: các Nhà đầu tư là các tổ chức, cá nhân trong nước hoặc nước ngoài phải đáp ứng tiêu chí là Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định của Luật Chứng khoán năm 2019;
- Số lượng cổ phiếu mỗi Nhà đầu tư được phép mua: tối đa 5.000.000 cổ phiếu.
Trường hợp tổng số cổ phiếu đăng ký mua của các Nhà đầu tư vượt quá tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành, Hội đồng quản trị sẽ căn cứ thời điểm đăng ký mua của từng nhà đầu tư để phân bổ số lượng cổ phiếu được quyền mua cho từng nhà đầu tư cụ thể;
- Hạn chế chuyển nhượng: Cổ phiếu được chào bán thành công trong đợt phát hành này bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán, trừ trường hợp chuyển nhượng theo quyết định của Tòa án hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

- Tỷ lệ thực hiện quyền: 1:1 (cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông hưởng quyền mua cổ phiếu được phân bổ 01 quyền mua, cổ đông sở hữu 01 quyền mua sẽ được mua 01 cổ phiếu mới phát hành thêm, số cổ phiếu chào bán cho cổ đông sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị);
- Phương thức xử lý số cổ phiếu không bán hết: Ủy quyền cho Hội đồng quản trị toàn quyền phân phối số cổ phiếu mà những đối tượng được mua cổ phiếu chào bán riêng lẻ không đăng ký mua hết (nếu có) với giá bán không thấp hơn giá bán ban đầu. Hội đồng quản trị được toàn quyền quyết định về điều kiện và đối tượng dự kiến chào bán số cổ phiếu chưa phân phối hết mà không cần phải thực hiện việc lấy ý kiến của Đại hội đồng cổ đông và không cần phải thực hiện chào mua công khai kể cả các trường hợp chào bán cho các tổ chức, cá nhân dẫn đến sở hữu của các đối tượng chào bán vượt mức sở hữu được quy định tại Điều 35, Luật Chứng khoán 2019.
- Mục đích phát hành: Toàn bộ số tiền dự kiến thu được từ đợt phát hành sẽ được Công ty sử dụng cho mục đích mua Toà nhà trụ sở chính tại Số 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam và mua 4.500.000 cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Đại Phát Vina với giá 10.000 đồng/1 cổ phiếu để nắm giữ 90% Vốn điều lệ Công ty Cổ phần Đại Phát Vina.

Kết quả phát hành cổ phiếu chào bán:

- Số lượng cổ phiếu chào bán thành công: 8.000.000 cổ phiếu;
- Tổng số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu riêng lẻ chào bán cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp: 80.000.000.000 VND, tổng chi phí phát hành: 85.000.000 VND, tổng thu ròng từ đợt chào bán: 79.915.000.000 VND

Tình hình sử dụng vốn đến ngày 31/12/2021:

- Ngày 07/12/2021, Công ty đã chi 35.000.000.000 VND ứng trước cho người bán để mua giá trị quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cùng toà nhà tại địa chỉ Số 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, Phường An Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.
- Ngày 10/12/2021, Công ty đã chi 35.500.000.000 VND để mua 3.550.000 cổ phiếu của Công ty CP Đại Phát Vina với giá 10.000 đồng/cổ phiếu, tương ứng với 71% vốn điều lệ của Công ty CP Đại Phát Vina, qua đó trở thành cổ đông chi phối, Công ty mẹ của Công ty CP Đại Phát Vina.
- Ngày 13/12/2021, Công ty đã chi 9.500.000.000 VND để mua 950.000 cổ phiếu của Công ty CP Đại Phát Vina với giá 10.000 đồng/cổ phiếu, nâng tỷ lệ sở hữu lên 90% vốn điều lệ của Công ty CP Đại Phát Vina.

d) . Cổ phiếu

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.650.000	5.650.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	13.650.000	5.650.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.650.000	5.650.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.650.000	5.650.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.650.000	5.650.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVASố 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, Phường An Khánh,
Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***18 . DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	71.392.314.922	-
Doanh thu bán hàng hóa	249.195.938.487	103.424.755.595
	320.588.253.409	103.424.755.595
Doanh thu đối với các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 28.)</i>	22.013.817.851	9.198.670.000

19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	70.969.385.572	-
Giá vốn của hàng hóa đã bán	248.651.048.507	102.893.593.623
	319.620.434.079	102.893.593.623

20 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	77.778	4.333.340
Chi phí nhân công	73.875.563	58.800.000
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
Hoàn nhập dự phòng	-	(1.701.702.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	152.326.450	104.564.271
Chi phí khác bằng tiền	3.561.304	16.240.634
	232.841.095	(1.514.763.755)

21 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi từ giao dịch mua رہہ khi hợp nhất công ty con	8.519.192.501	-
Thu nhập khác	20.715	200.000.000
	8.519.213.216	200.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVASố 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, Phường An Khánh,
Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***22 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.232.050.972	3.163.243.122
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(9.012.081.692)	(3.163.243.122)
- Chuyển lỗ các năm trước	-	(3.163.243.122)
- Loại trừ ảnh hưởng các bút toán hợp nhất công ty con	(9.012.081.692)	-
Thu nhập tính thuế TNDN	219.969.280	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	43.993.856	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	169.779.793	(1.754.761)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(79.420.727)	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	134.352.922	(1.754.761)

23 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	9.188.057.116	3.163.243.122
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	9.188.057.116	3.163.243.122
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	6.177.473	5.650.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.487	560

24 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	38.853.541.000	4.333.340
Chi phí nhân công	165.875.563	58.800.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	205.624.695	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	247.326.366	104.564.081
Chi phí khác bằng tiền	16.284.420	19.240.634
39.488.652.044	186.938.055	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị số kế toán			
	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.382.889.337	-	752.409.920	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	64.446.308.187	(6.185.077.486)	43.880.587.661	(6.185.077.486)
Đầu tư dài hạn	9.000.000.000	-	9.000.000.000	-
	79.829.197.524	(6.185.077.486)	53.632.997.581	(6.185.077.486)
			Giá trị số kế toán	
			31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			418.786.008	-
Phải trả người bán, phải trả khác			13.452.618.026	4.167.772.999
			13.871.404.034	4.167.772.999

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.382.889.337	-	-	6.382.889.337
Phải thu khách hàng, phải thu khác	56.636.230.701	1.625.000.000	-	58.261.230.701
Đầu tư dài hạn	-	9.000.000.000	-	9.000.000.000
	<u>63.019.120.038</u>	<u>10.625.000.000</u>	<u>-</u>	<u>73.644.120.038</u>
Tại ngày 01/01/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	752.409.920	-	-	752.409.920
Phải thu khách hàng, phải thu khác	36.070.510.175	1.625.000.000	-	37.695.510.175
Đầu tư dài hạn	-	9.000.000.000	-	9.000.000.000
	<u>36.822.920.095</u>	<u>10.625.000.000</u>	<u>-</u>	<u>47.447.920.095</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1 - 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Tại ngày 31/12/2021				
Vay và nợ	418.786.008	-	-	418.786.008
Phải trả người bán, phải trả khác	13.452.618.026	-	-	13.452.618.026
	<u>13.871.404.034</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>13.871.404.034</u>
Tại ngày 01/01/2021				
Phải trả người bán, phải trả khác	4.167.772.999	-	-	4.167.772.999
	<u>4.167.772.999</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>4.167.772.999</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

26 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

27 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	<u>Hoạt động thương mại</u> VND	<u>Hoạt động sản xuất</u> VND	<u>Tổng cộng toàn doanh nghiệp</u> VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	249.179.822.610	71.392.314.922	320.572.137.532
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	<u>528.774.103</u>	<u>422.929.350</u>	<u>951.703.453</u>
Tài sản bộ phận trực tiếp	126.719.742.704	50.183.511.715	176.903.254.419
Tổng tài sản	<u>126.719.742.704</u>	<u>50.183.511.715</u>	<u>176.903.254.419</u>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	13.344.902.090	9.345.268.517	22.690.170.607
Tổng nợ phải trả	<u>13.344.902.090</u>	<u>9.345.268.517</u>	<u>22.690.170.607</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVASố 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, Phường An Khánh,
Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Theo khu vực địa lý

	Trụ sở Công ty và Công ty con	Nhà máy sản xuất chế biến cà phê - Chi nhánh Công ty con tại Sơn La	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	249.179.822.610	71.392.314.922	320.572.137.532
Tài sản bộ phận	128.122.640.053	48.780.614.366	176.903.254.419

28 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			
Công ty CP Akie Việt Nam (*)		-	9.198.670.000
Công ty CP Tập đoàn Cà phê Avina (**)		22.013.817.851	-
Mua hàng hóa, dịch vụ			
Chi nhánh Xuất nhập khẩu Nông Sản - Công ty CP Tập đoàn Cà phê Avina (*)		20.394.812.710	-

Số dư tại ngày kết thúc năm:

	Mối quan hệ	31/12/2021	01/01/2021
		VND	VND
Phải thu khách hàng			
Công ty CP Tập đoàn Cà phê Avina (**)		11.481.018.331	-
Trả trước cho người bán			
Công ty CP Tập đoàn Cà phê Avina (**)		924.175.000	-
Chi nhánh Xuất nhập khẩu Nông Sản - Công ty CP Tập đoàn Cà phê Avina (**)		14.269.300.155	-

(*) Ông Nguyễn Khánh Toàn - Phó Chủ tịch HĐQT Công ty trong năm 2020, đồng thời là Người đại diện theo pháp luật của Công ty CP Akie Việt Nam.

(**) Ông Lê Văn An là Thành viên HĐQT Công ty từ ngày 30/06/2021, đồng thời là Người đại diện theo pháp luật của Công ty CP Tập đoàn Cà phê Avina.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Năm 2020, Công ty chưa phải lập báo cáo tài chính hợp nhất do không có công ty con. Vì vậy, số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020. Báo cáo tài chính riêng này đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.



Phạm Thị Thu Lương
Người lập

Phạm Thị Thu Lương
Kế toán trưởng

Vương Lê Vĩnh Nhân
Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 31 tháng 03 năm 2022





CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Trụ sở chính

Tầng 14 Tòa nhà SUDICO, đường Mê Trì
P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP Hà Nội
Tel: (+84 24) 3868 9566 / (+84 24) 3868 9588
Fax: (+84 24) 3868 6248

Chi nhánh Quảng Ninh

Tổ 4, Khu 4, P. Giếng Đáy,
TP Hạ Long, Quảng Ninh
Tel: (+84 203) 382 2030
Fax: (+84 203) 382 2030

Văn phòng đại diện KV miền Trung

Số 23 Mai Hắc Đế, TP Vinh, Nghệ An
Tel: (+84 238) 354 1046
Fax: (+84 238) 354 1046
Website: kiemtoanava.com.vn

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ HVA**

Số: 3103.3/2022/HVA
(V/v giải trình về CL LNST
BCTC hợp nhất năm 2021 so với
năm 2020)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Cần Thơ, ngày 31 tháng 03 năm 2022

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Công ty cổ phần Đầu tư HVA (Mã chứng khoán HVA) xin chân thành cảm ơn sự quan tâm, hợp tác và giúp đỡ của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội trong thời gian qua.

Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc Công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Căn cứ vào BCTC hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Đầu tư HVA.

Công ty Cổ phần Đầu tư HVA (HVA) xin giải trình sự biến động của lợi nhuận sau thuế tại Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã kiểm toán so với năm 2020 của HVA như sau:

DVT: Đồng

STT	Nội dung	Năm 2021	Năm 2020	Chênh lệch	Tỷ lệ
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN	9,138,768,197	3,163,243,122	5,975,525,075	189%

Lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 tăng 5.975.525.075 VNĐ tương ứng 189% so với năm 2020 do năm 2021 công ty hợp nhất kết quả kinh doanh của công ty con (là công ty cổ phần Đại Phát Vina), đồng thời ghi nhận lợi thế thương mại do mua lại công ty con 8.519.213.216 VNĐ.

Trên đây là những nguyên nhân chủ yếu làm chênh lệch lợi nhuận sau thuế năm 2021 so với năm 2020 trên Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Đầu tư HVA.

Công ty cổ phần Đầu tư HVA xin giải trình với UBCK Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và thông báo cho các Cổ đông được biết.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu vp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA
TỔNG GIÁM ĐỐC**

